

Phụ lục II.4
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
QUÝ 4 NĂM 2025



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUYNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.11.13348

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/12/2025
Trang/Page: 1/7

Yêu cầu/ Customer

: CÔNG TY TNHH BROTEX VIỆT NAM

Điểm lấy mẫu/ Sampling location

: NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Địa chỉ/ Address

: Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11, 31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18, KCN Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh

Ngày nhận mẫu/ Receiving date

: 19/11/2025

Ngày thử nghiệm/ Date of testing

: 20/11/2025 – 09/12/2025

Kết quả thử nghiệm/ Testing results

: Xem trang tiếp theo

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Đương Hoàng Thành

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample at the time of measurement.

Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD

M01-QT7.8

BH/SD-02/01

Ngày BH: 12/04/2019

ĐẠI CHỨC

5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM

27/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM

825 262

nguyennh.vimcerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỖNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.11.13348	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	09/12/2025 Trang/Page 2/7
--------------------	---	------------------------------

mẫu/ Type of sample	Nước thải
biểu mẫu/ Mark of sample	NT.111902 – Nước thải sinh hoạt, sau HTXL nước thải, công suất 280 m ³ /ngày.đêm tại khu ký túc xá
phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp, ngày lấy mẫu 17/11/2025

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 14:2008/ BTNMT, CỘT A ^(*)
pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,25	5 – 9
TDS	mg/L	ĐNHT-N05 ^(*)	286	500
TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	23	50
BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	27	30
COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	70	-
NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	3,92	5
NO ₃ ⁻ _N	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023 ^(*)	18,0	30
PO ₄ ³⁻ _P	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	2,15	6
S ²⁻ _H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2023 ^(*)	0,27	1,0
Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	KPH (MDL=1,0)	10
Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009 ^(*)	1,30	5
Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2.400	3.000

chú/ Note:
Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.
(-) không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Tất cả kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample at the time of measurement.

Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

01-QT7.8

BH/SD 02/01

Ngày BH: 12/04/2019

HÌNH

Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM
5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM
25 262

duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỖNH

DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.11.13348

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/12/2025
Trang/Page: 3/7

Loại mẫu/ Type of sample	Nước thải
Hiệu mẫu/ Mark of sample	NT.111903 – Hồ ga dầu ra HTXL nước thải tập trung, công suất 12.000 m ³ /ngày.đêm
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp, ngày lấy mẫu 17/11/2025

T No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT ^(w)
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,67	6 – 9
2	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023 ^(*)	20	50
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	16	40,5
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	14	24,3
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	42	60,75
6	NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	1,86	4,05
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	0,23	3,24
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	9,95	16,2
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011 ^(*)	KPH (MDL=0,2)	0,81
10	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996 ^(*)	87,0	405
11	S ²⁻ H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,008)	0,162
12	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,04)	4,05
13	CN ⁻	mg/L	SMEWW 3500CN.C&E:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,003)	0,0567
14	Fe	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	0,32	0,81
15	Cr ⁶⁺	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,003)	0,0405
16	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3120B:2023 + SMEWW 3500Cr.B:2023 ^(**)	KPH (MDL=0,01)	0,162
17	Pb	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(**)	KPH (MDL=0,003)	0,081
18	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,0405
19	Hg	mg/L	SMEWW 3111B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,00405
20	Cd	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,01)	0,0405
21	Cu	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	1,62
22	Zn	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	2,43
23	Ni	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,015)	0,162
24	Mn	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,015)	0,405
25	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	KPH (MDL=1,1)	4,05
26	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,009)	0,081
27	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	1.700	3.000

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..
2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

ĐỐI CHỨNG

15A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM
1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM
149 825 262
duonghuynh.vincerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



Số/No: 25.11.13348

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/12/2025
Trang/Page: 4/7

STT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT ^(*)
28	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	--	US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270E ^(**)	--	0,0405
	+ Aldrin	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Hexachlorobenzen	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ 4,4'-DDD	mg/L		KPH (MDL=0,0003)	-
	+ 4,4'-DDE	mg/L		KPH (MDL=0,0003)	-
	+ 4,4'-DDT	mg/L		KPH (MDL=0,0003)	-
	+ Dieldrin	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Endosulfan I	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Endosulfan II	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Endosulfan-sulfate	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Endrin	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ α-HCH	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ β-HCH	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Lindan (γ-HCH)	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ δ-HCH	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Heptachlor	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Heptachlor-epoxide	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Methoxychlor	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Alachlor	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
29	Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ	--	US EPA 3510C + US EPA 3620C + US EPA 8270E ^(**)	--	0,243
	+ Diazinon	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Parathion methyl	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Chlorpyrifos	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Chlorpyrifos-methyl	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Parathion ethyl	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Fenitrothion	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Malathion	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Disulfoton	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Ethion	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Fenithion	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Phenthoate	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Phorate	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Phosphamidon	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Pirimiphos ethyl	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Pirimiphos methyl	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-
	+ Terbufos	mg/L		KPH (MDL=0,0001)	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BH01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

KHO CHÍNH

15/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM

15/27/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM

825 262

duonghuynh.vincerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số No: 25.11.13348

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/12/2025
Trang/Page: 5/7

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT ^(*)
Hàm lượng Polychlorinated biphenyls (PCBs)	--	US EPA 3510C + US EPA 3630C + US EPA 8270E ^(**)	--	0,00243
+ PCB-18	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-28	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-31	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-44	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-52	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-101	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-118	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-138	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-149	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-153	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-170	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-180	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-194	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-
+ PCB-209	mg/L		KPH (MDL=0,00005)	-

Note:

1. Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

2. Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3./ Subcontracted test by Quality Assurance & Testing Center 3.

3. Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.

4. Không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM/1.4/17.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHỖ CHỮ

Địa chỉ: Vườn Lái, P. An Phú Đông, Tp.HCM

Địa chỉ: Vườn Lái, P. An Phú Đông, Tp. HCM

Số điện thoại: 262

Email: duonghuynhv241@gmail.com

http://duonghuynhenv.vn



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.11.13348

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

09/12/2025
Trang/Page: 6/7

Loại mẫu/ Type of sample	Nước thải
Hiệu mẫu/ Mark of sample	NT.111904 – Nước thải sinh hoạt, sau HTXL nước thải, công suất 220 m ³ /ngày, đem đầu nối vào hệ thống thu gom KCN
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp, ngày lấy mẫu 17/11/2025

T No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	Giá trị giới hạn cho phép theo GPMT ^(*)
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,38	6 – 9
2	Độ màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023 ^(*)	26	70
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	19	150
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	23	150
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	55	250
6	NH ₄ ⁺ N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	2,69	10
7	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	1,03	6
8	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000 ^(*)	15,8	40
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011 ^(*)	KPH (MDL=0,2)	2
10	Clorua	mg/L	TCVN 6194:1996 ^(*)	56,0	600
11	S ²⁻ H ₂ S	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .C&D:2023 ^(*)	<0,027 ^(a)	0,5
12	Florua	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023 ^(*)	<0,13 ^(a)	10
13	CN ⁻	mg/L	SMEWW 3500CN ⁻ .C&E:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,003)	0,07
14	Fe	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	0,16	5
15	Cr ⁶⁺	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,003)	0,05
16	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3120B:2023 + SMEWW 3500Cr.B:2023 ^(**)	KPH (MDL=0,01)	1
17	Pb	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(**)	KPH (MDL=0,003)	0,1
18	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,05
19	Hg	mg/L	SMEWW 3111B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,0003)	0,005
20	Cd	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,01)	0,05
21	Cu	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	2
22	Zn	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,02)	3
23	Ni	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,015)	0,5
24	Mn	mg/L	SMEWW 3120B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,015)	1
25	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023 ^(*)	KPH (MDL=1,1)	10
26	Tổng Phenol	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,009)	0,5
27	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	2.200	5.000

Ghi chú/ Note:

(*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3./ Subcontracted test by Quality Assurance & Testing Center 3.

(a) Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation of Method (LOQ).

(b) Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

BỘ CHỈNH

15/SA Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM

15/7/SA Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM

043 825 262

duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 25.11.13348	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	09/12/2025 Trang/Page: 7/7
--------------------	---	-------------------------------

Nguồn/ Type of sample	: Chất thải
Đầu mẫu/ Mark of sample	: CT.111901 – Xi than tại lò hơi khu A
Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method	: Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp, ngày lấy mẫu 17/11/2025

Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 07:2009/BTNMT Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối (H_{tc} , ppm) ^(*) T=0,98
Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3114B:2023 ^(*)	1,05	39,24
Bạc (Ag)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	5,71	98,1
Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	KPH (MDL=0,85)	9,81
Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	KPH (MDL=3,4)	294,3
Selen (Se)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3114B:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,056)	19,62
Bari (Ba)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	29,6	1.962
Coban (Co)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	KPH (MDL=1,04)	1.569,6
Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	324	4.905
Niken (Ni)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7 ^(*)	KPH (MDL=2,0)	1.373,4
Thủy ngân (Hg)	mg/kg	US EPA Method 7471B ^(*)	KPH (MDL=0,044)	3,924
Crom VI (Cr^{6+})	mg/kg	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A ^(*)	KPH (MDL=1,0)	98,1

Chú/ Note:
Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
Quy chuẩn so sánh do khách hàng yêu cầu, thông tin do khách hàng cung cấp.
H: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample at the time of measurement..

Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

M01-QT7.8

BH/SD:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

CHÍNH

17/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp.HCM

17/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Tp. HCM

825 262

duonghnh.vincerts241@gmail.com

<http://duonghuynhenv.vn>



CÔNG TY CỔ PHẦN ENVILAB VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính: 29/18 Đường 1, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ Phòng thí nghiệm: 79/27 Đường T.Á.Đ, Phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 0978 521 147 Số di động: 0318550897
Email: pnc@congtyenvilab.vn



hiệu: 804/12/2025/KQ-261125/01

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Địa chỉ lấy mẫu : Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11,
31-12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18
Khu công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh.

Ngày lấy mẫu : 26/11/2025

Ngày trả kết quả : 04/12/2025

Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	261125/01-KT1	Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 05 (X:1233055; Y:590196)	Khí thải
2	261125/01-KT2	Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi công đoạn pha trộn hóa chất (dạng bột) tầng 1 xường V (X:1233207; Y:590299)	Khí thải
3	261125/01-KT3	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 1 tại xường N (X:1233297; Y:589777)	Khí thải
4	261125/01-KT4	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 1 tại xường M (X:1233082; Y:590351)	Khí thải

Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

ThS. LÊ ĐỨC HÒA



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không hạn mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: hạn mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

phiếu: 804/12/2025/KQ-261125/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 261125/01-KT1, 261125/01-KT2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_r=1$)
				261125/01-KT1	261125/01-KT2	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	49,2	36,6	160
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	32.253	1.747	-
3	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	39,3	-	400
4	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	69,9	-	680
5	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	KPH (MDL=11,4)	-	800

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 261125/01-KT1: Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi số 05 (X:1233055; Y:590196);
- 261125/01-KT2: Ống thoát khí hệ thống xử lý bụi công đoạn pha trộn hóa chất (dạng bột) tầng 1 xưởng V (X:1233207; Y:590299).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.

2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.

Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

phiếu: 804/12/2025/KQ-261125/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 261125/01-KT3, 261125/01-KT4)

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_r=1$)
				261125/01- KT3	261125/01- KT4	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	31,5	39,9	160
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	15.234	16.166	-
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8 ^(*)	KPH (MDL=1,28)	KPH (MDL=1,28)	40

Ghi chú:

- (*) : Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 261125/01-KT3: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 1 tại xưởng N (X:1233297; Y:589777);
- 261125/01-KT4: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 1 tại xưởng M (X:1233082; Y:590351).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

phiếu: 819/12/2025/KQ-291125/01

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Địa chỉ lấy mẫu : Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11,
31- 12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18
Khu công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh.

Ngày lấy mẫu : 29/11/2025

Ngày trả kết quả : 08/12/2025

Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	291125/01-KT1	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 2 tại xưởng M (X:1233039; Y:590306)	Khí thải
2	291125/01-KT2	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 2 tại xưởng N (X:1233173; Y:590169)	Khí thải
3	291125/01-KT3	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ bể khuấy hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233281; Y:590027)	Khí thải
4	291125/01-KT4	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ phòng trộn hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233224; Y:590147)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

TUO. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ENVILAB
VIỆT NAM
ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 03 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

Hiệu: 819/12/2025/KQ-291125/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 291125/01-KT1, 291125/01-KT2)

T	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_r=1$)
				291125/01- KT1	291125/01- KT2	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	34,1	39,3	160
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	15.424	15.422	-
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8 ^(*)	KPH (MDL=1,28)	KPH (MDL=1,28)	40

Chú:

- (*) : Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 291125/01-KT1: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyền 2 tại xưởng M (X:1233039; Y:590306);
- 291125/01-KT2: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyền 2 tại xưởng N (X:1233173; Y:590169).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
4. Thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
5. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/01

phiếu: 819/12/2025/KQ-291125/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 291125/01-KT3, 291125/01-KT4)

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$)
				291125/01-KT3	291125/01-KT4	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	33,8	40,9	160
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	1.903	7.185	-
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8 ^(*)	KPH (MDL=1,28)	KPH (MDL=1,28)	40

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- 291125/01-KT3: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ bể khuấy hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233281; Y:590027);
- 291125/01-KT4: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ phòng trộn hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233224; Y:590147).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

phiếu: 955/12/2025/KQ-121225/07

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH BROTEX VN – NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỢI MÀU
BROTEX VIỆT NAM – KHU A

Địa chỉ lấy mẫu : Lô số 29-1 đến 29-11, 29-12a, 29-12b, 29-14 đến 29-18, 31-1 đến 31-11,
31- 12a, 31-12b, 31-14, 34-1 đến 34-11, 34-12a, 34-12b, 34-14 đến 34-18
Khu công nghiệp Phước Đông, phường Gia Lộc, tỉnh Tây Ninh.

4. Ngày lấy mẫu : 12/12/2025

5. Ngày trả kết quả : 27/12/2025

6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	121225/07-NT1	Nước thải tại hố ga đầu ra HTXL nước thải tập trung, công suất 12.000 m ³ /ngày.đêm (X:1233362; Y:589923)	Nước thải
2	121225/07-NT2	Nước thải sau HTXL nước thải, công suất 220 m ³ /ngày.đêm đầu nối vào hệ thống thu gom KCN (X:1233463; Y:590917)	Nước thải
3	121225/07-KT1	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải tại bể thu gom cụm xử lý nước thải sơ bộ (X:1233060; Y:590267)	Khí thải
4	121225/07-KT2	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ khu vực trộn hóa chất của xưởng V (X:1233178; Y:590275)	Khí thải
5	121225/07-KT3	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyển 1 tại xưởng N (X:1233297; Y:589777)	Khí thải
6	121225/07-KT4	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ phòng trộn hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233224; Y:590147)	Khí thải
7	121225/07-KT5	Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ bể khuấy hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233281; Y:590027)	Khí thải

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.

2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/02



CÔNG TY CỔ PHẦN ENVILAB VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính: 29/18 Đường 1, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ Phòng thí nghiệm: 79/27 đường TA 28, Phường Thới An, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0978 521 142 – 034 846 4768 Mã số thuế: 0318534807
Email: phuongluong@envilab.com.vn



phiếu: 955/12/2025/KQ-121225/07

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

ST	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
8	121225/07-KT6	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 2 tại xưởng N (X:1233173; Y:590169)	Khí thải
9	121225/07-KT7	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 2 tại xưởng M (X:1233039; Y:590306)	Khí thải
10	121225/07-KT8	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bông của chuyền 1 tại xưởng M (X:1233082; Y:590351)	Khí thải
11	121225/07-KT9	Ổng thoát khí hệ thống xử lý khí thải khu vực đo, pha trộn hóa chất tại kho 06 (X:1233098; Y:590385)	Khí thải

Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

ThS. LÊ ĐỨC HÒA

TU. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



ThS. LƯƠNG THỊ BÍCH PHƯƠNG

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.

Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết hạn lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

MM01-TT14-KQTN/02

phiếu: 955/12/2025/KQ-121225/07-NT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 121225/07-NT1)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A (Kq=0,9; Kf=0,9)
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW2550B:2023	34,0	40

Ghi chú:

- (*) : Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp;
- 121225/07-NT1: Nước thải tại hố ga đầu ra HTXL nước thải tập trung, công suất 12.000 m³/ngày đêm (X:1233362; Y:589923).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết hạn lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/02

Số phiếu: 955/12/2025/KQ-121225/07-NT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 121225/07-NT2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	TCDN KCN PHƯỚC ĐÔNG
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW2550B:2023	30,2	40

Ghi chú:

- (*) : Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- TCDN KCN PHƯỚC ĐÔNG: Tiêu chuẩn đầu nổi Khu công nghiệp Phước Đông;
- 121225/07-NT2: Nước thải sau HTXL nước thải, công suất 220 m³/ngày.đêm đầu nổi vào hệ thống thu gom KCN (X:1233463; Y:590917).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
 Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
 Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/02

phiếu: 955/12/2025/KQ-121225/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 121225/07-KT1, 121225/07-KT2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$)	QCVN 20:2009/ BTNMT
				121225/07-KT1	121225/07-KT2		
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	35,6	29,4	160	-
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 2 ^(*)	1.059	16.404	-	-
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8 ^(*)	KPH (MDL=1,28)	KPH (MDL=1,28)	40	-
4	Naphthalene	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	-	150
5	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	-	5
6	Metanol	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	-	260
7	2-Pentanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	-	700

Ghi chú:

- (*) : Thông số được chứng nhận Vincerts;
- (**) : Sử dụng kết quả thử phụ của Vincerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 121225/07-KT1: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải tại bể thu gom cụm xử lý nước thải sơ bộ (X:1233060; Y:590267);
- 121225/07-KT2: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ khu vực trộn hóa chất của xưởng V (X:1233178; Y:590275).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/02

số phiếu: 955/12/2025/KQ-121225/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 121225/07-KT3, 121225/07-KT4, 121225/07-KT5)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/ BTNMT
				121225/07- KT3	121225/07- KT4	121225/07- KT5	
1	Naphthalene	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	150
2	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	5
3	Metanol	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	260
4	2-Pentanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	700

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 121225/07-KT3: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyền 1 tại xưởng N (X:1233297; Y:589777);
- 121225/07-KT4: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ phòng trộn hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233224; Y:590147);
- 121225/07-KT5: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ bể khuấy hóa chất tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung (X:1233281; Y:590027).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
 2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
 4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

BM01-TT14-KQTN/02

Số phiếu: 955/12/2025/KQ-121225/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 121225/07-KT6, 121225/07-KT7, 121225/07-KT8)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/ BTNMT
				121225/07- KT6	121225/07- KT7	121225/07- KT8	
1	Naphthalene	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	150
2	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	5
3	Metanol	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	260
4	2-Pentanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	700

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 121225/07-KT6: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyển 2 tại xưởng N (X:1233173; Y:590169);
- 121225/07-KT7: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyển 2 tại xưởng M (X:1233039; Y:590306);
- 121225/07-KT8: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải cho công đoạn sấy bóng của chuyển 1 tại xưởng M (X:1233082; Y:590351).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.

Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hệ thống lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

101-TT14-KQTN/02

Số phiếu: 955/12/2025/KQ-121225/07-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 121225/07-KT9)

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B ($K_p=0,8$; $K_v=1$)	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Naphthalene	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	-	150
2	Benzen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	-	5
3	Metanol	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	-	260
4	2-Pentanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,05)	-	700
5	Bụi	mg/Nm ³	US EPA 05(**)	0,23	160	-
6	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA 02(**)	1.620	-	-
7	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA 08(**)	KPH (MDL=3,0)	40	-

Ghi chú:

- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện (Kết quả phân tích thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp);
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 121225/07-KT9: Ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải khu vực đo, pha trộn hóa chất tại kho 06 (X:1233098; Y:590385).

Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.

Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết hạn lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.

Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

001-TT14-KQTN/02